

DANH MỤC THUỐC XÉT CHỌN LẦN 2-2026

Kèm theo Thông báo số 489/TB-TMH ngày 26 tháng 6 năm 2026

TT	Mã thuốc mới chào giá	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
1	XC01	Acetylcystein	200mg	Uống	Bột/Cốm pha uống	Gói	N1	100.000
2	XC02	Acetylcystein	200mg	Uống	Bột/Cốm pha uống	Gói	N2	100.000
3	XC03	Acid acetic	2% (w/w)	Nhỏ tai	Dung dịch nhỏ tai	Chai/lọ	N4	1.500
4	XC04	Acid Tranexamic	250 mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	N4	1.500
5	XC05	Acid Tranexamic	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	N1	20.000
6	XC06	Acyclovir	800mg	Uống	Viên	Viên	N3	8.500
7	XC07	Ambroxol hydrochloride	15mg/5ml, 100ml	Uống	Siro	Chai/lọ	N1	2.500
8	XC08	Ammonium chlorid + Dextromethorphan.HBr + Clorpheniramin maleat + Trisodium citrat dihydrat + Glyceril Guaiacolat	(50mg + 5mg + 1,33mg + 133mg + 50mg)/5ml, chai 60ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống	Chai/lọ	N4	450
9	XC09	Ammonium Chloride + Chlorpheniramine Maleate + Dextromethorphan HBr + Glyceril guaiacolate (Guaifenesin) + Sodium citrate (Trisodium Citrate Dihydrate)	50mg + 1mg + 10mg + 50mg + 133mg	Uống	Viên nén	Viên	N4	3.000
10	XC10	Amoxicillin (dưới dạng amoxicillin trihydrat 1005mg) 875mg; Acid clavulanic (dưới dạng kali clavulanat 149mg) 125mg	875mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	N1	8.000
11	XC11	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate) 250mg; Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate) 31,25mg	250/31,25mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Gói	BDG	5.800
12	XC12	Amoxicillin (Dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (Dưới dạng clavulanat potassium)	875mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	BDG	200.000

TT	Mã thuốc mới chào giá	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
13	XC13	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	500mg + 62,5mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Gói	BDG	42.000
14	XC14	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	500mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	BDG	15.000
15	XC15	Amoxicillin + Acid clavulanic	600mg/5ml + 42,9mg/5ml; 100ml	Uống	Bột pha uống	Chai/lọ	BDG	2.000
16	XC16	Amoxicillin + Acid clavulanic	600mg/5ml + 42,9mg/5ml; 50ml	Uống	Bột pha uống	Chai/lọ	BDG	1.500
17	XC17	Bilastin	2,5mg/ml - ống 8ml	Uống	Dung dịch uống	ống	N4	50.000
18	XC18	Bilastin	20mg	Uống	Viên	Viên	N2	20.000
19	XC19	Budesonide	500mcg/2ml	Hít/Đường hô hấp	Hỗn dịch khí dung dùng để hít	Ống/Tép	BDG	50.000
20	XC20	Carbocistein	125mg/5ml; 5ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống	Ống/Túi/gói	N4	35.000
21	XC21	Cefaclor	125mg/5ml, lọ 60ml	Uống	Bột/Cốm pha uống	Chai/lọ	BDG	7.000
22	XC22	Cefdinir	250mg	Uống	Bột pha uống	Gói	N4	35.000
23	XC23	Cefditoren (dưới dạng Cefditoren pivoxil)	200mg	Uống	Viên nén bao phim	viên	BDG	50.000
24	XC24	Cefixim	200mg	Uống	Viên nang	Viên	N1	90.000
25	XC25	Cefixime	50mg	Uống	Bột/Cốm pha uống	Gói	N2	10.000
26	XC26	Cefixime	100mg/5ml; 60 ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống	Chai/lọ	N1	10.000
27	XC27	Cefpodoxim	50mg	Uống	Bột/Cốm pha uống	Gói	N3	7.000
28	XC28	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	250mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	BDG	4.000
29	XC29	Cinarizine + Piracetam	25mg; 400mg	Uống	Viên	Viên	N1	90.000
30	XC30	Clarithromycin 250mg	250mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	BDG	8.000

TT	Mã thuốc mời chào giá	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
31	XC31	Clarithromycin 500mg	500mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Viên	BDG	33.000
32	XC32	Clindamycin (dưới dạng Clindamycin Hydrochloride)	300mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	BDG	75.000
33	XC33	Desloratadin	30mg/60ml; 60ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống	Chai/lọ	N2	2.500
34	XC34	Desloratadine	0,5mg/ml; 60ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống	Chai/lọ	BDG	4.000
35	XC35	Desloratadine	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	BDG	70.000
36	XC36	Ebastin	10mg	Uống	Viên	Viên	N1	90.000
37	XC37	Ebastin	10mg	Uống	Viên	Viên	BDG	30.000
38	XC38	Ebastin	20mg	Uống	Viên	Viên	BDG	30.000
39	XC39	Erdostein	300mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	N2	200.000
40	XC40	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magnesi trihydrat)	20mg	Uống	Viên nén kháng dịch dạ dày	Viên	BDG	23.000
41	XC41	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magnesi trihydrat)	40mg	Uống	Viên nén kháng dịch dạ dày	Viên	BDG	220.000
42	XC42	Esomeprazole (dưới dạng Esomeprazole magnesi trihydrate)	10mg	Uống	Cốm pha hỗn dịch uống	Gói	BDG	9.000
43	XC43	Fexofenadine hydrochloride	180 mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	BDG	5.000
44	XC44	Guaifenesin + Terbutalin	(66,5 mg + 1,5mg)/5ml, 5ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống	Ống/túi/gói	N4	25.000
45	XC45	Itoprid hydrochlorid 50mg	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	BDG	70.000
46	XC46	Kẽm (dưới dạng kẽm sulfat heptahydrat)	4mg/ml x 5ml	Uống	Siro uống	Ống	N4	30.000
47	XC47	Kẽm nguyên tố (dưới dạng Kẽm gluconat 56mg)	16mg/10ml; 10ml	Uống	Siro	Ống	N4	30.000
48	XC48	Ketotifen (dưới dạng Ketotifen Hydrogen Fumarat)	1mg	Uống	viên nén	Viên	N1	75.000
49	XC49	Levocetirizine dihydrochloride	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	BDG	10.000

Handwritten signature

TT	Mã thuốc mới chào giá	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
50	XC50	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat 512,46 mg) 500mg	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	BDG	47.000
51	XC51	Lysin hydrochlorid + Thiamin hydrochlorid (Vitamin B1)+ Riboflavin sodium phosphat (Vitamin B2) + Pyridoxin hydrochlorid (Vitamin B6) +Cholecalciferol (Vitamin D3) + D,L-alpha-Tocopheryl acetat (Vitamin E) + Nicotinamid (Vitamin PP) + Dexpanthenol + Calci (dưới dạng Calci lactat pentahydrat)	(100mg + 1mg + 1,15mg + 2mg + 133,35UI + 5mg + 6,65mg + 3,35mg + 43,35mg)/5ml x 10ml	Uống	Siro	Ống/túi/gói	N4	80.000
52	XC52	Lysin hydrochlorid + Thiamin hydrochlorid+ Riboflavin Natri phosphat+ Pyridoxin hydrochlorid + Cholecalciferol + D,L-α- Tocopheryl acetat+ Niacinamid+ Dexapanthenol+ Calci (dưới dạng Calcilactat pentahydrate)	(300 mg+ 3mg+ 3.5mg+ 6mg+ 400IU+ 15mg+ 20mg+ 10 mg+ 130 mg)/15ml x 7,5ml	Uống	Siro thuốc	Ống/túi/gói	N4	80.000
53	XC53	Lysin hydroclorid+ Calci (dưới dạng Calci glycerophosphat)+ Phospho (dưới dạng Calci glycerophosphat và Acid glycerophosphoric) +Thiamin hydroclorid + Pyridoxin hydroclorid + Riboflavin natri phosphate + Nicotinamid + Alphatocopherol acetat	(200mg; 86,7mg; 133,3mg; 2mg; 4mg; 2,3mg; 13,3mg; 10mg)/10ml; 10ml	Uống	Siro thuốc	Ống/túi/gói	N4	120.000
54	XC54	Methylprednisolon (dưới dạng Methylprednisolon natri succinat)	40mg	Tiêm/truyền tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Bột đông khô pha tiêm	Chai/lọ	BDG	200
55	XC55	Methylprednisolone	16mg	Uống	Viên nén	Viên	BDG	80.000

TT	Mã thuốc mời chào giá	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
56	XC56	Methylprednisolone	4mg	Uống	Viên nén	Viên	BDG	700.000
57	XC57	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri)	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	BDG	57.000
58	XC58	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri)	5mg	Uống	Viên nén nhai	Viên	BDG	20.000
59	XC59	Natri alginat 500mg, Natri bicarbonat 213mg, Canxi carbonat 325mg	(500mg + 213mg + 325mg)/10ml; 10ml	Uống	Hỗn dịch uống	Gói	N1	20.000
60	XC60	Piracetam	2500mg	Uống	Dung dịch uống	Ống	N4	30.000
61	XC61	Povidon iod	10% (kl/kl)	Dùng ngoài	Thuốc mỡ	Tuýp	N1	1.000
62	XC62	Rupatadine (dưới dạng Rupatadine Fumarate)	10mg	Uống	Viên nén	Viên	BDG	90.000
63	XC63	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	(200mg + 40mg)/5ml, chai 80 ml	Uống	Bột, cốm pha uống	Chai/lọ	N1	7.000
64	XC64	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	400mg + 80mg	Uống	Viên	Viên	N1	2.000
65	XC65	Sultamicillin (Ampicilin + sulbactam)	375mg	Uống	Bột/Cốm pha uống	Gói	N2	3.000
66	XC66	Sultamicillin (Ampicilin + sulbactam)	750mg	Uống	Bột/Cốm pha uống	Gói	N4	3.000
67	XC67	Terbinafine Hydrochloride	1%	Kem dùng ngoài	Kem/Gel dùng ngoài	Tuýp	N2	500
68	XC68	Thymomodulin	120mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	N4	280.000
69	XC69	Thymomodulin	80mg	Uống	Viên nang cứng	viên	N4	18.000
70	XC70	Trimetazidine dihydrochloride	35mg	Uống	Viên nén	Viên	BDG	80.000
71	XC71	Vitamin B1 + Vitamin B6 + Vitamin B12	100mg + 200mg + 200mcg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	N2	120.000
72	XC72	Xylometazoline Hydrochloride	5mg/10ml	Nhỏ mũi	Dung dịch nhỏ mũi	Chai/lọ	BDG	6.000
73	XC73	Xylometazoline Hydrochloride	10mg/10ml	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi	Chai/lọ	BDG	1.500

Tổng: 73

Handwritten signature